TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Khương.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2021 tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2021 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, Ấp Y, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Phấn K, sinh năm 1990, địa chỉ: Số K, Khóm Z, Phường J, TP. S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt; chỉ đại diện nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, nhận thủ tục tố tụng).

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Minh H**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số X1, Ấp Y, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trịnh Lệ T, sinh năm 1964, địa chỉ: Số H, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt; chỉ đại diện nộp tài liệu, chứng cứ, nhận thủ tục tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Vào năm 2018, bà và ông Bùi Minh H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thị Thiên K, sinh ngày 02/11/2018 hiện nay cháu K đang ở chung với cha từ tháng 06/2020 đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 01/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng như trước được. Nhận thấy vợ chồng sống chung không còn duyên nợ, hôn nhân không tồn tại được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Minh H; Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M thừa nhận thời gian cháu K sống chung với ông H thì cháu phát triển tốt. Tuy nhiên, bà M cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, bà M đi làm Công ty tại Cần Thơ được 01 tháng, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng nhưng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập cho Tòa án. Bà M đi làm buổi sáng đến chiều về, có khi tăng ca nên gửi cháu K ở nhà cho mẹ của bà tại Ấp Y, xã T. Mẹ của bà đang chăm sóc 02 cháu nhỏ khác nên cũng thuận tiện chăm sóc cháu K.

Bị đơn ông Bùi Minh H trình bày: Ông H thống nhất với tất cả lời trình bày của bà M về mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung. Ông H đồng ý ly hôn với bà M. Về con chung: ông H không đồng ý giao cho bà M nuôi vì bà M đã tự ý bỏ nhà ra đi để lại con cho ông nuôi từ ngày 30/5/2020 đến nay. Ông H có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, ông H hiện đi làm phụ hồ và có thu nhập từ vườn cây trái của gia đình.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà M với ông H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ngày càng trở nên gay gắt không hàn gắn được nên sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông H không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, bà M kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với ông H. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà M; Về con chung: Cháu Bùi Thị Thiên K, sinh ngày 02/11/2018 hiện đang sống ổn định với ông

H, ông H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, cháu K đang sống ổn định với ông H nên ông H yêu cầu là có căn cứ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K. Do đó, cần phải tiếp tục giao cháu K cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà M không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu;

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, đảm bảo quyền lợi cho con chung nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà M và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ tháng 06/2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà M và ông H sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân đã lâu. Nay bà M và ông H đã thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: Bà M và ông H có 01 con chung tên Bùi Thị Thiên K, sinh ngày 02/11/2018 hiện nay cháu K đang ở chung với cha từ tháng 06/2020 đến nay. Các đương sự đều có yêu cầu nuôi con chung.

Xét về điều kiện nuôi con của bà M và ông H: Kể từ ngày Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con, chỉ có ông H cung cấp được chứng cứ về thu nhập. Tại phiên tòa, bà M trình bày thu nhập của bà hiện tại là 6.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh. Bà M cho rằng bà đi làm Công ty tại Cần Thơ, sáng đi, chiều về, có khi tăng ca nên gửi cháu K ở nhà cho mẹ của bà tại Ấp Y, xã T trong khi mẹ của bà còn đang chăm sóc 02 cháu nhỏ khác là chưa đảm bảo. Theo lời khai của ông Trần Văn N – Phó Ban nhân dân ấp Y, xã T đã xác định bà M và ông H đều chưa có công việc ổn định nhưng trong thời gian cháu K sống với ông H, cháu cũng không có vấn đề gì khiếm khuyết. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù cháu K dưới 36 tháng tuổi nhưng đã được cha chăm sóc hơn 01 năm nay và điều kiện sống của cháu bên cạnh ông H tốt nên cần tiếp tục ổn định môi trường sống của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét giao con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M được ly hôn với ông Bùi Minh H.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Thiên K, sinh ngày 02/11/2018 cho ông Bùi Minh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ghi nhận ông H không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Bà M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Trần Thị M phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009667 ngày 10/3/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa